

KHẢO SÁT TÍNH CÁCH SINH VIÊN KỸ THUẬT THÔNG QUA DISC PROFILE HỖ TRỢ CÔNG TÁC CỐ VẤN HỌC TẬP

Võ Trần Thị Bích Châu và Đoàn Thị Trúc Linh

Khoa Công nghệ, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 26/11/2015

Ngày chấp nhận: 23/05/2016

Title:

The survey on the personality of engineering students using DISC profile for academic consultant activities

Từ khóa:

Thuật thấu hiểu lòng người, mô hình DISC, tính cách sinh viên, công tác cố vấn học tập, định hướng nghề nghiệp

Keywords:

Thorough person's skill, DISC Profile, students's personality, consultant activities, career orientation

ABSTRACT

DISC Profile (Dominance – Influence – Steadiness - Conscientiousness) is called the thorough person's skill, become an effective tool for everyone to identify his or her personality, as well as the associate should revise for having good at communication habits of highlight. However, the model has been applied in some large companies but has not been used in Vietnamese universities. This research presents a survey of 237 students in the field of Industrial Management such as 65 students of freshmen, 92 students of sophomores, 40 students of juniors, and 40 students of seniors. The purpose of this research aims to determine the students' personality so that academic consultants can provide their students with a better orientation strategy such as promoting their strengths, being the professional direction from the beginning.

TÓM TẮT

DISC Profile (Dominance – Influence - Steadiness - Conscientiousness) - Thuật thấu hiểu lòng người là công cụ để mỗi người tự nhận diện tính cách của mình cũng như đối phương, từ đó có cách giao tiếp phù hợp nhất. Mặc dù, mô hình đã được áp dụng tại một số công ty lớn, nhưng chưa được áp dụng trong môi trường đại học tại Việt Nam. Bài viết trình bày kết quả khảo sát 237 sinh viên các năm như 65 sinh viên năm nhất (K41), 92 sinh viên năm hai (K40), 40 sinh viên năm ba (K39), 40 sinh viên năm cuối (K38) của ngành Quản lý Công nghiệp. Mục đích của nghiên cứu là xác định tính cách sinh viên từ đó giúp cố vấn học tập định hướng giáo dục sinh viên tốt hơn như định hướng cách phát huy tính cách nổi trội của họ, định hướng nghề nghiệp từ ban đầu.

Trích dẫn: Võ Trần Thị Bích Châu và Đoàn Thị Trúc Linh, 2016. Khảo sát tính cách sinh viên kỹ thuật thông qua DISC profile hỗ trợ công tác cố vấn học tập. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 43c: 131-138.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Định hướng sai cho tương lai một người sẽ gây thiệt hại về thời gian và công sức của người được định hướng. Để thực hiện công việc đó hiệu quả, hiện nay có nhiều công cụ giúp đo lường năng lực cá nhân đã được sử dụng như SMART, MBTI... Tuy nhiên, để thực hiện việc đánh giá đúng và

chính xác, chúng ta cần phải đo lường cả hành vi có ý thức và vô thức của con người. Đáp ứng được mục đích trên, mô hình DISC giúp cung cấp thông tin hữu ích về hành vi và tính cách của từng cá nhân trong một tổ chức, và thực tế mô hình này hiện đang được sử dụng bởi các công ty lớn tại Việt Nam như công ty Dệt may - Đầu tư - Thương

mai Thành Công, tập đoàn Nestlé,... với mục đích thu hút và giữ chân người tài, củng cố quan hệ nội bộ, giúp người quản lý đưa ra quyết định hiệu quả; mô hình DISC đặc biệt quan trọng với giai đoạn sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đối với giai đoạn sinh viên đang học trong môi trường đại học, thì sự hoàn thiện tính cách và năng lực bản thân chủ yếu dựa vào nhận thức, tự đánh giá, đối chiếu những đặc điểm, hành vi của bản thân với những nguyên tắc, khuôn mẫu và chuẩn mực xã hội được thực hiện trong suốt quá trình học tập và rèn luyện. Từ đó điều chỉnh bản thân cho phù hợp với yêu cầu, chuẩn mực xã hội. Việc đánh giá phù hợp sẽ giúp sinh viên điều khiển hành vi, tính cách, đam mê để tìm ra lựa chọn phù hợp nhất cho riêng mình; ngoài ra còn giúp các cố vấn học tập có cơ sở khoa học để định hướng trong giáo dục sinh viên tốt nhất.

Hiện nay, nhiều sinh viên than chán nản khi theo học ngành không yêu thích, có bạn đã lấy được bằng của các trường đại học danh tiếng như Y Hà Nội, Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh... vẫn hoang mang trước tương lai vì nhận ra mình không đam mê với nghề đã học. Phần đông người này cho biết, họ thiếu sự định hướng, không biết bản thân thích và phù hợp với ngành nào nên chọn trường theo học lực, xu hướng thị trường lao động hoặc mong muốn của gia đình. Một thời gian ngồi trên giảng đường, họ bắt đầu nhận ra bản thân đã sai lầm khi chọn ngành học, đặc biệt là sinh viên thuộc khối chuyên ngành Kỹ thuật (Quỳnh Trang, 2014). Bài viết này trình bày kết quả khảo sát một số sinh viên thuộc khối ngành kỹ thuật, đặc biệt ngành Quản lý Công nghiệp (QLCN), là một ngành đang được sinh viên quan tâm nhiều nhất.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

2.1.1 Khái niệm DISC Profile

DISC Profile hay còn gọi là DISC Assessment là mô hình nghiên cứu của Tiến sĩ William Moulton Marston (1893 - 1947) để kiểm tra các hành vi cá nhân của con người trong môi trường hoặc trong một tình huống cụ thể. Lý thuyết DISC đã bắt đầu được phát triển từ năm 1928, khi tiến sĩ William Moulton Marston mô tả về lý thuyết này trong cuốn "Emotions of Normal People" (năm 1928). Các cách phân loại tính cách theo mô hình DISC mà các đánh giá hiện nay áp dụng đều xuất phát từ nghiên cứu của tiến sĩ Marston như Tiến sĩ Wiggins (1995) và Tiến sĩ Kiesler (1997) phát triển dựa trên mô hình DISC ban đầu. Mô hình DISC cung cấp một cách nhìn sâu sắc về những điểm nổi bật của từng cá nhân nhằm mục đích đưa ra chiến

lược giao tiếp thành công, hiệu quả với người khác. Sự hiểu biết về DISC Profile đã giúp hàng triệu cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hiểu rõ cái nhìn chuyên nghiệp về tính cách mỗi người.

2.1.2 Một số đặc điểm của mô hình DISC

Marston, hoàn thành nghiên cứu về mô hình DISC tại đại học Harvard, với mục đích phát triển sự hiểu biết về hành vi của con người và áp dụng cho lĩnh vực tâm lý. DISC là viết tắt của của cụm từ như sau:

- Dominance (direct, strong-willed, and forceful) – liên quan đến sự kiểm soát, quyền lực và tốc độ.
- Influence (sociable, talkative, and lively) – liên quan đến tình huống xã hội và sự thuyết phục trong giao tiếp.
- Steadiness (gentle, accommodating, and soft-hearted) – liên quan đến sự kiên nhẫn, chậm rãi, và suy nghĩ sâu, trầm lắng.
- Conscientiousness (private, analytical, and log) – liên quan đến cấu trúc, sự chuẩn xác, tính tổ chức theo khoa học.

Mô hình DISC cung cấp một cách nhìn sâu sắc về những điểm nổi bật của từng cá nhân nhằm mục đích đưa ra chiến lược giao tiếp thành công, hiệu quả với người khác.

2.1.3 Phân loại tính cách cá nhân theo mô hình DISC

Tuy là người đưa ra học thuyết DISC, Marston chưa bao giờ phát triển một công cụ đánh giá nào dựa trên lý thuyết này. Đến những năm 1950, Walter Clark mới bắt đầu xây dựng một công cụ đánh giá lấy lý thuyết DISC làm cơ sở, công cụ này có tên "Activity Vector Analysis". Kể từ khi công cụ "Activity Vector Analysis" ra đời và đặc biệt là vào đầu những năm 70, các công cụ đánh giá và phân loại tính cách theo lý thuyết DISC ngày càng xuất hiện nhiều hơn. Hầu hết các công cụ này đều có chung nguồn gốc và có hình thức tương tự nhau, nhưng đều mô tả 4 tính cách như sau:

- Dominance (người quyền lực): là người tiên phong, bản lĩnh, lãnh đạo, độc đoán.
- Influence (người ảnh hưởng): là người đầy cảm hứng, lạc quan, có sức thuyết phục, bốc đồng, nhiều cảm xúc, thân thiện và hoạt bát.
- Steadiness (người trầm tĩnh): là người trầm tư, nội tâm, chậm chạp.
- Conscientiousness (người tuân thủ): hòa nhã, vô tư, giỏi lắng nghe, kiên nhẫn, chân thành,

ổn định, thận trọng, thích đi đó đây, giọng điệu đều đều, cẩn thận, chi lý, tính toán.

2.1.4 Vai trò DISC trong phát triển tính cách, giao tiếp

Công cụ đánh giá DISC thường được dùng với mục đích phân tích nhóm, hướng nghiệp, huấn luyện và tư vấn, quản lý kế hoạch phát triển cá nhân, giải quyết mâu thuẫn. Xác định tính cách của cá nhân có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhân cách của họ. Chức năng cơ bản của đánh giá tính cách là giúp điều chỉnh hành vi cá nhân trong giao tiếp. Trong cuộc sống xã hội, sinh viên luôn tiếp nhận được sự điều chỉnh từ phía xã hội ở những mức độ khác nhau, muốn đạt đến kết quả của một hoạt động, sinh viên phải có những hiểu biết khách quan về mình, về những phẩm chất đang tồn tại ở bản thân mình. Nếu như sự đánh giá bên ngoài có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nhân cách của sinh viên, thì mô hình DISC sẽ giúp sinh viên quyết định đến sự phát triển nhân cách, giao tiếp ứng xử hiệu quả nhất, như sau:

- Hiểu biết bản thân về tính cách, sở trường,

Bảng 1: Bảng câu hỏi trắc nghiệm tính cách cá nhân

Có tổng cộng 24 câu hỏi, được chia làm 4 nhóm.

Anh (Chị) vui lòng đánh dấu vào cụm từ miêu tả chính xác nhất tính cách của mình.

	a	A	b	B	c	C	d	D
1	<input type="checkbox"/>	Ôn hòa	<input type="checkbox"/>	Quyền lực	<input type="checkbox"/>	Tì mi	<input type="checkbox"/>	Có khả năng diễn đạt
2	<input type="checkbox"/>	Tiên phong	<input type="checkbox"/>	Chính xác	<input type="checkbox"/>	Thú vị	<input type="checkbox"/>	Thỏa mãn
3	<input type="checkbox"/>	Cởi mở	<input type="checkbox"/>	Sôi nổi	<input type="checkbox"/>	Táo bạo	<input type="checkbox"/>	Khéo léo
4	<input type="checkbox"/>	Thích tranh cãi	<input type="checkbox"/>	Đa nghi	<input type="checkbox"/>	Do dự	<input type="checkbox"/>	Khó đoán
5	<input type="checkbox"/>	Lịch sự	<input type="checkbox"/>	Hòa đồng	<input type="checkbox"/>	Đèo dai	<input type="checkbox"/>	Gan dạ
6	<input type="checkbox"/>	Có khả năng thuyết phục	<input type="checkbox"/>	Đáng tin cậy	<input type="checkbox"/>	Logic	<input type="checkbox"/>	Nhẹ nhàng
7	<input type="checkbox"/>	Cẩn thận	<input type="checkbox"/>	Bình tĩnh	<input type="checkbox"/>	Quyết đoán	<input type="checkbox"/>	Thích tiệc tùng
8	<input type="checkbox"/>	Nổi tiếng	<input type="checkbox"/>	Kiên quyết	<input type="checkbox"/>	Cầu toàn	<input type="checkbox"/>	Rộng rãi
9	<input type="checkbox"/>	Đa dạng	<input type="checkbox"/>	Nhút nhát	<input type="checkbox"/>	Vô tư	<input type="checkbox"/>	Ngoan cố

sở đoán,... để định hướng nghề nghiệp, phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu trong xử lý tình huống.

- Phát triển kỹ năng sống hòa hợp với môi trường.
- Chấp nhận người khác, giảm khó chịu, xung đột với bạn bè, người thân, ...
- Nhận biết cá tính bạn bè trong 10 giây để lựa chọn phong cách giao tiếp phù hợp.
- Giúp xây dựng tốt mối quan hệ với các nhóm đối tượng trong cộng đồng.
- Làm tiền đề để cho những nhà nghiên cứu tiếp tục các công trình về tâm lý hành vi con người.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Sinh viên được khảo sát sẽ hoàn thành một bảng câu hỏi bao gồm từ 24 câu như Bảng 1. Mỗi câu hỏi bao gồm 4 tính từ được trích ra từ nghiên cứu ban đầu của Marston. Ở mỗi câu hỏi, sinh viên được khảo sát yêu cầu phải chọn ra một tính từ mà họ thấy mô tả đúng nhất về bản thân.

10	<input type="checkbox"/>	Có phương pháp	<input type="checkbox"/>	Lạc quan	<input type="checkbox"/>	Có ý chí	<input type="checkbox"/>	Tốt bụng
11	<input type="checkbox"/>	Khó tính	<input type="checkbox"/>	Khiêm tốn	<input type="checkbox"/>	Thân thiện	<input type="checkbox"/>	Có khả năng hùng biện
12	<input type="checkbox"/>	Nhiệt tình	<input type="checkbox"/>	Kỹ tính	<input type="checkbox"/>	Ham vui	<input type="checkbox"/>	Cứng cỏi
13	<input type="checkbox"/>	Khỏe khoắn	<input type="checkbox"/>	Phiêu lưu	<input type="checkbox"/>	Có khả năng kiểm soát	<input type="checkbox"/>	Thận trọng
14	<input type="checkbox"/>	Kiên nhẫn	<input type="checkbox"/>	Chân thành	<input type="checkbox"/>	Xông xáo	<input type="checkbox"/>	Hấp dẫn
15	<input type="checkbox"/>	Đam mê	<input type="checkbox"/>	Có khả năng phân tích	<input type="checkbox"/>	Có lòng thương người	<input type="checkbox"/>	Chắc chắn
16	<input type="checkbox"/>	Có khả năng lãnh đạo	<input type="checkbox"/>	Bốc đồng	<input type="checkbox"/>	Chậm chạp	<input type="checkbox"/>	hay chỉ trích
17	<input type="checkbox"/>	Nhất quán	<input type="checkbox"/>	Có khả năng gây ảnh hưởng	<input type="checkbox"/>	Đầy sức sống	<input type="checkbox"/>	Thư giãn
18	<input type="checkbox"/>	Quan trọng	<input type="checkbox"/>	Nhã nhặn	<input type="checkbox"/>	Tự lập	<input type="checkbox"/>	Gọn gàng
19	<input type="checkbox"/>	Có lý tưởng	<input type="checkbox"/>	Có uy tín/danh tiếng	<input type="checkbox"/>	Vui vẻ/phấn khởi	<input type="checkbox"/>	Thẳng thắn
20	<input type="checkbox"/>	Không kiên nhẫn	<input type="checkbox"/>	Nghiêm trọng	<input type="checkbox"/>	Chậm trễ	<input type="checkbox"/>	Dễ xúc động
21	<input type="checkbox"/>	Ganh đua	<input type="checkbox"/>	Tình nguyện	<input type="checkbox"/>	Trung thực	<input type="checkbox"/>	Chín chắn
22	<input type="checkbox"/>	Hy sinh	<input type="checkbox"/>	Thấu hiểu	<input type="checkbox"/>	Có khả năng thuyết phục	<input type="checkbox"/>	Dũng cảm
23	<input type="checkbox"/>	Phụ thuộc	<input type="checkbox"/>	Thất thường	<input type="checkbox"/>	Tự chủ	<input type="checkbox"/>	Áp đặt
24	<input type="checkbox"/>	Bao dung	<input type="checkbox"/>	Truyền thống	<input type="checkbox"/>	Khích lệ người khác	<input type="checkbox"/>	Dẫn đầu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên. Số mẫu thu về được sàng lọc là 237 phiếu (trên tổng phát ra là 276 phiếu). Trong đó, số lượng sinh viên được khảo sát theo từng năm học thể hiện như Bảng 2.

Bảng 2: Số lượng sinh viên ngành QLCN khảo sát theo năm học

Sinh viên theo năm	Số lượng
Năm 4 (K39)	40
Năm 3 (K38)	40
Năm 2 (K40)	92
Năm 1 (K41)	65
Tổng	237

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kết quả phân tích:

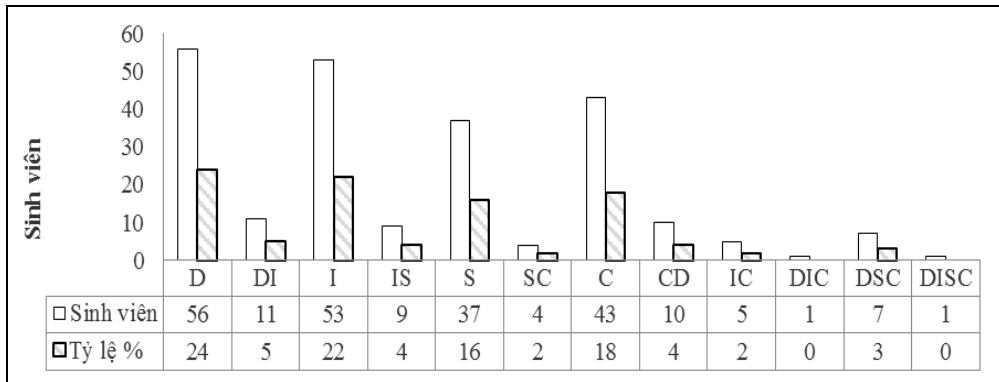
Thực hiện phân tích tính cách sinh viên theo các năm học với mục đích tìm ra sự khác biệt về tính cách tự hình thành và rèn luyện của sinh viên, và thuận lợi cho việc so sánh và phân tích chính xác hơn.

Kết quả khảo sát tự đánh giá tính cách của sinh viên được thể hiện ở Hình 1 như sau:

– Phần đông 80% bao gồm tính cách D (chiếm 24%) thuộc nhóm người hành động, sẵn

sàng tham gia hoạt động lớp, Đoàn; tính cách I (chiếm 22%) thuộc nhóm người giao tiếp, luôn hòa đồng, vui vẻ với mọi người; tính cách S (chiếm 16%) thuộc nhóm người trầm tĩnh, luôn giúp đỡ, là người giải quyết vấn đề; tính cách C (chiếm 18%) thuộc nhóm người phân tích, chuẩn mực trong hành động, công việc. Qua số liệu thống kê, tính cách D được sinh viên tự đánh giá cao nhất.

Nhóm tính cách kết hợp chiếm 20% bao gồm những tích cách như DI, IS, SC, CD, DIC, DSC, DISC. Qua số liệu, DI được sinh viên tự đánh giá cao trong nhóm tính cách kết hợp này, chiếm 5%.



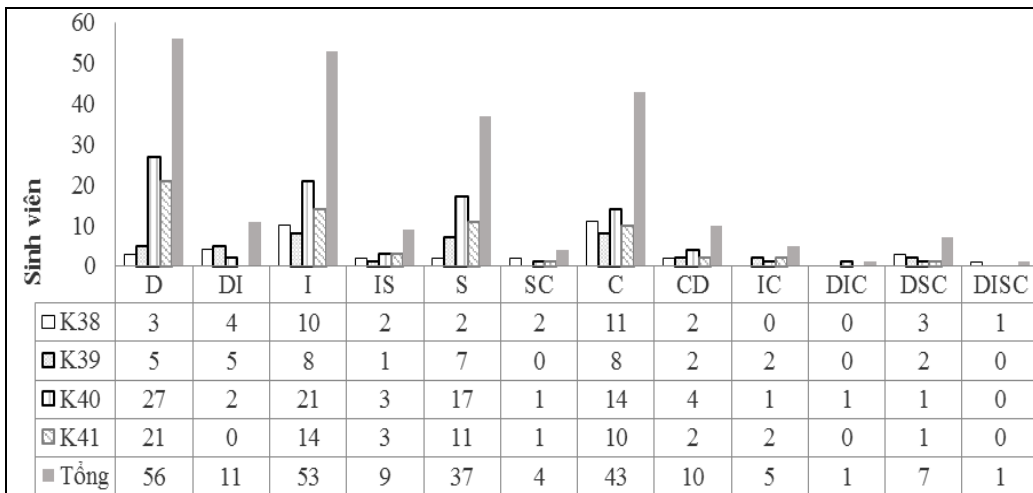
Hình 1: Biểu đồ tính cách của 237 sinh viên ngành Quản lý Công nghiệp theo mô hình DISC

Kết quả thống kê sự thay đổi tính cách theo từng năm học của sinh viên được thể hiện theo Hình 2 như sau:

– Sinh viên K40, K41 thể hiện rõ tính cách của mình hơn những sinh viên K38, K39. Tính cách D được sinh viên tự đánh nhiều nhất, chiếm chủ yếu là sinh viên K40 và K41.

– Những tính cách kết hợp DI, sinh viên K38 và K39 chiếm phần đông, tương ứng 4 và 5 sinh viên.

Qua đó, Cố vấn học tập cần có những hoạt động nhằm giúp sinh viên phát triển tính cách theo chiều hướng tích cực hơn.



Hình 2: Biểu đồ so sánh tính cách sinh viên từng năm học theo mô hình DISC

3.2 Thảo luận về giao tiếp theo từng tính cách

Thông qua DISC, khảo sát tính cách sinh viên, giúp cho Cố vấn học tập nhận biết 4 loại tính cách và tâm lý của 4 nhóm người với mục đích giao tiếp sinh viên mình tốt hơn, tạo sự thân thiện và giúp sinh viên phát huy những tài năng trong công tác

Đoàn, lãnh đạo nhóm, lãnh đạo lớp. Qua bảng câu hỏi DISC, giúp thống kê về cách thức giao tiếp và giao việc cho sinh viên hợp lý nhất theo 4 loại tính cách. Theo Bảng 3, cố vấn học tập có thể nhận dạng và giao tiếp ứng xử từng tính cách của sinh viên cố vấn trong học tập, hoạt động.

Bảng 3: Cách giao tiếp và phân việc đối với 4 loại tính cách

D - NGƯỜI QUYỀN LỰC		I - NGƯỜI ẢNH HƯỞNG	
Người chịu trách nhiệm công việc của họ		Người luôn chú ý thành công của nhóm và cả cá nhân.	
Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm
Quyết đoán, cứng rắn	Ít biết lắng nghe	Nhanh chóng tạo dựng mối quan hệ	Thiếu tập trung
Ý chí mạnh mẽ	Muốn người khác nghe theo	Hòa đồng, thân thiện	Tạo cảm giác hời hợt
Có tinh thần tranh đua	Thúc ép người khác	Nhiệt tình	Thiếu nhất quán trong việc lên kế hoạch và theo dõi tiến độ
Độc lập	Không chờ nghe phản hồi	Lôi cuốn, thuyết phục	Nhanh chán
Tự tin	Thiếu kiên nhẫn	Có tài ăn nói	Nói nhiều
Quyết đoán	Hay đòi hỏi		
Cương quyết	Tạo cảm giác kiêu ngạo		
Không sợ thử thách			
Thực hiện những công việc	Giao tiếp khi giao nhiệm vụ cho họ	Thực hiện những công việc	Giao tiếp khi giao nhiệm vụ cho họ
Thách thức, độc lập	Điều nên làm	Làm việc với người khác	Điều nên làm
Bao quát, rủi ro	Cho phản hồi ngay	Tích cực	- Lắng nghe và đáp ứng
Đa dạng	Tập trung vào chủ đề	Cởi mở	- Đảm bảo, làm yên tâm
Mục tiêu rõ ràng, đo lường được	Duy trì môi trường tích cực	Đa dạng	- Lạc quan, luôn dành thời gian ở bên cạnh
Không phải làm các công việc lặp đi lặp lại	Điều nên tránh Cản trở mong muốn bắt đầu hành động, hạn chế quyền lực	Tiếp xúc nhiều đối tượng khác nhau	Điều nên tránh
Không phải giúp đỡ và lắng nghe người khác	Dành thời gian vào việc không cần thiết	Không phải làm việc với các dữ liệu cứng nhắc, các quyết định khó khăn, xung đột	- Đặt ra hạn chế không cần thiết, làm sụt giảm lòng nhiệt thành - Phản ứng tiêu cực
C - NGƯỜI TUÂN THỦ		S - NGƯỜI TRẦM TĨNH	
Tập trung cao độ khi lắng nghe		Chân thành quan tâm đến bản thân người đó.	
Ưu điểm	Nhược điểm	Ưu điểm	Nhược điểm
Hiểu biết tường tận, chi tiết	Tạo cảm giác chỉ trích hay thiếu nhạy cảm khi chất vấn	Xây dựng mối quan hệ sâu sắc và bền vững	Chậm thay đổi và thích nghi

Có năng lực	Không quan tâm đến cảm xúc của người khác	Rất biết lắng nghe	Không hoặc ít bộc lộ sự nhiệt tình
Biết cách dò hỏi thông tin	Tập trung vào những chi tiết không quan trọng	Ám áp và chân thành	Xem khó khăn là thất bại của bản thân
Lập luận logic		Kiên trì	Đễ dàng nhượng bộ
Làm việc có hệ thống		Ổn định	
Thực hiện những công việc	Giao tiếp khi giao nhiệm vụ cho họ	Thực hiện những công việc	Giao tiếp khi giao nhiệm vụ cho họ
Phát triển năng lực chuyên môn và sự chuyên nghiệp cho bản thân	Điều nên làm	Vai trò được xác định rõ	Điều nên làm
	Cung cấp thông tin chi tiết	Dự đoán được diễn tiến công việc	-Cho phản hồi một cách có tổ chức
Làm việc hoàn toàn độc lập	Cởi mở trước câu hỏi	Làm theo sức mình	Cung cấp tài liệu hỗ trợ
Lập luận hợp lý	Cho thời gian suy nghĩ và chuẩn bị	Dựa vào kinh nghiệm bản thân	Để họ hoàn thành công việc
Không phải ra quyết định nhanh, hiểu thẳng, mơ hồ	Điều nên tránh	Đứng sau hỗ trợ	Duy trì sự tiếp diễn
	Giữ kín thông tin	Không phải đối phó với tình huống rủi ro bất ngờ, “sự âm ỉ không đáng”, các dự án gấp gáp, chông chéo	Điều nên tránh
	Thúc ép trả lời ngay		Bồn chồn, không yên
	Áp lực sử dụng quyền lực		Thay đổi đột ngột
			Làm ngược lại thỏa thuận

Khi nắm bắt được tính cách sinh viên, cố vấn học tập quản lý để định hướng sinh viên về mặt học tập, hoạt động nhóm, Đoàn, lớp:

– Xác định rõ ràng phong cách học tập cũng như làm việc của một cá nhân. Khi có được những thông tin này, người cố vấn có thể biết được cách thức phát triển và bồi dưỡng phù hợp đối với từng sinh viên cũng như cách quản lý sao cho các sinh viên đạt được hiệu quả làm việc cao nhất trong việc học tập.

– Tránh việc thường xuyên xếp hai người cùng thuộc nhóm D (Dominant – quyền lực) vào chung một nhóm hay một đề án vì cả hai đều muốn nắm giữ vị trí lãnh đạo. Hình thành một tập hợp những người có tính cách khác nhau vào một nhóm (nếu có thể).

– Giao cho sinh viên những vai trò phù hợp với tính cách của họ. Nếu sinh viên được giao những nhiệm vụ yêu cầu họ phải thể hiện những tính cách mâu thuẫn với con người thực, họ có thể cảm thấy căng thẳng và bất mãn với công việc được giao.

– Xác định được mỗi sinh viên thuộc về nhóm tính cách nào, giao cho họ những công việc nhằm tận dụng và phát huy tối đa thế mạnh của họ.

Định hướng cho sinh viên những vị trí làm việc sau khi ra trường với mục đích tránh lãng phí về thời gian và tiền bạc của gia đình và chính bản thân sinh viên. Khi tốt nghiệp, một số ngành nghề được chọn lựa theo từng loại tính cách sinh viên ngành Quản lý Công nghiệp như Bảng 4:

Nhóm D, mẫu người lãnh đạo phù hợp những ngành nghề có trách nhiệm cao, như Quản lý điều hành trong sản xuất hoặc dịch vụ, Bán hàng với 100% hoa hồng...

Nhóm I, mẫu người ảnh hưởng phù hợp những ngành nghề đề cao sự hợp tác và thành công của nhóm, như nhân viên phòng kinh doanh, Sale, bộ phận đào tạo, bán hàng với doanh thu theo đại lý, cửa hàng...

Nhóm S, mẫu người ôn hòa, trầm tĩnh phù hợp những ngành nghề có sự quan tâm đến người khác, như làm việc trong môi trường Giáo dục, bộ phận Nhân sự, Chăm sóc khách hàng...

Nhóm C, mẫu người tí mĩ, tuân thủ phù hợp những ngành nghề đòi hỏi có sự liên quan đến yếu

tổ tập trung, như phòng Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm, Quản lý Chất lượng, An toàn lao động...

Bảng 4: Định hướng công việc theo từng tính cách

Tính cách	Công việc
D	Quản lý điều hành chung, Logistics, Bán hàng - 100% hoa hồng
I	Kinh doanh, Sale, Đào tạo, Bán hàng, Quan hệ công chúng
S	Giáo dục, Nhân sự, Chăm sóc khách hàng, Sản xuất, Hậu cần
C	Nghiên cứu & Phát triển sản phẩm, Quản lý chất lượng, An toàn lao động

4 KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên tự đánh giá tính cách về những đặc điểm bản thân nhằm giúp Cố vấn học tập hiểu rõ hơn về tính cách sinh viên mình, không chỉ với mục đích giao tiếp, dễ dàng hợp tác mà còn giúp sinh viên phát huy tính cách của mình trong học tập, và trong ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, sinh viên tự đánh giá tính cách của mình sẽ giúp định hình xu hướng hành vi của bản thân và có thể phân biệt từng kiểu tính cách, giúp sinh viên giao tiếp, ứng xử tốt trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

William Mouton Marston, 1928. Emotions of Normal People. Kegan Paul Trench Trubner And Company, Limited. New York, 443 pages.

Wiggins, J. S., 1995. Interpersonal Adjective Scales: Professional Manual. Odessa, FL: Psychological Assessment Resources, Inc., 135 pages.

Kiesler, D. J., Schmidt, J. A., & Wagner, 1997. A circumplex inventory of impact messages: An operational bridge between emotion and interpersonal behavior. In R. Plutchik & H. Conte (Eds.), Circumplex models of personality and emotions. Washington, DC: American Psychological Association, 484 pages.

Quỳnh Trang, 2014. Thiếu định hướng nghề nghiệp, sinh viên chán giảng đường đại học, ngày 11.04.2014. Địa chỉ: <http://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/thieu-dinh-huong-nghe-sinh-vien-chan-giang-duong-dai-hoc-3102177.html>, 14.12.2015